

thực hiện trên cơ sở hợp đồng hợp tác theo quy định của pháp luật dân sự; (ii) Tổ hợp tác khi có góp vốn và hợp đồng hợp tác không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc tổ hợp tác đề nghị thụ hưởng chính sách của Nhà nước phải đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh; khuyến khích tổ hợp tác khác đăng ký (Điều 107, Luật HTX 2023).

- Hợp đồng hợp tác (Điều 3, Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ): Hợp đồng hợp tác do các thành viên tổ hợp tác tự thỏa thuận, được lập thành văn bản, có chữ ký của 100% thành viên THT. Nội dung hợp đồng hợp tác không được trái với quy định của luật có liên quan, bao gồm các nội dung: Mục đích, thời hạn hợp tác; họ, tên, nơi cư trú của cá nhân; tên, trụ sở của pháp nhân; tài sản đóng góp (nếu có); đóng góp bằng sức lao động (nếu có); phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức; quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp đồng hợp tác; quyền, nghĩa vụ của người đại diện (nếu có); điều kiện tham gia và rút khỏi hợp đồng hợp tác của thành viên (nếu có); điều kiện chấm dứt hợp đồng.

- THT hoạt động có hiệu quả là: i) Trên địa bàn xã có THT được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp Luật (Bộ Luật Dân sự năm 2015-Điều 504 và Điều 505; Luật HTX năm 2023; Nghị định số 77/2019/NĐ-CP); ii) THT có hợp đồng hợp tác theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 77/2019/NĐ-CP; iii) Có ít nhất 01 hoạt động sản xuất, hoặc dịch vụ hoặc kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp phục vụ thành viên.

- Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, có diện tích sản xuất (đối với trồng trọt, lâm nghiệp), quy mô đàn, sản lượng (đối với chăn nuôi, thủy sản) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng cơ cấu lại nông nghiệp của xã.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2 Điều 16 như sau:

“a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quy định tại các văn bản: Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là tỷ lệ % giữa trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 trên tổng số trẻ em 6 tuổi tại năm đánh giá.

- Đánh giá, xếp loại trung tâm học tập cộng đồng: Hiện nay, theo quy định tại Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh thì Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã được sáp nhập vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, do đó, đánh giá trung tâm học tập cộng đồng như sau:

+ Bộ máy: Có Phó Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa- Thể thao xã phụ trách các hoạt động về học tập cộng đồng và hằng năm có xây dựng kế hoạch để thực hiện các nội dung học tập cộng đồng.

+ Cộng đồng học tập của xã đạt ít nhất mức độ 1: Thực hiện theo Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh và hướng dẫn của ngành Giáo dục và Đào tạo.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 17 như sau:

“d) Xã triển khai thực hiện số khám chữa bệnh điện tử (*chỉ tiêu 15.4*).”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 17 như sau:

“b) Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế khi đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 và Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ Y tế về đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2030; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 1736/QĐ-SYT ngày 27/9/2023 của Sở Y tế về việc phân vùng các xã, phường, thị trấn để thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Sở Y tế có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc đánh giá chỉ tiêu y tế xã đạt chuẩn quốc gia. Hằng năm, tham mưu UBND tỉnh quyết định công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế và có trách nhiệm công bố danh sách các TYT đã đạt chuẩn quốc gia để làm cơ sở cho việc xét, công nhận xã đạt chuẩn tiêu chí y tế.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 17 như sau:

“d) Xã triển khai thực hiện số khám chữa bệnh điện tử

- Số khám chữa bệnh điện tử là một cấu phần của hồ sơ sức khỏe điện tử để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chuẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

- Hồ sơ sức khỏe điện tử phải đảm bảo mỗi người dân đều có số khám chữa bệnh điện tử, cụ thể:

+ Đối với người dân sử dụng điện thoại thông minh: Có APP Mobile chứa hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân với các tính năng như thông tin tiêm chủng, đặt hẹn khám bệnh, hồ sơ sức khỏe, tư vấn từ xa...

+ Người dân đi khám bệnh không dùng số khám bệnh giấy mà dùng điện thoại có APP để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chuẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

+ Người dân cập nhật kết quả khám, chữa bệnh hằng ngày khi đi khám bệnh, chữa bệnh.

- Việc đánh giá xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử thực hiện theo hướng dẫn của ngành Y tế.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1 Điều 19 như sau:

“a) Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: $\geq 35\%$ đối với xã khu vực 1 (*trong đó, $\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung*); $\geq 45\%$ đối với xã khu vực 2 (*trong đó, $\geq 25\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung*) (*chỉ tiêu 17.1*).

Trường hợp xã không có (hoặc không sử dụng) công trình cấp nước tập trung thì chỉ đánh giá tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình $\geq 60\%$ (cả 2 khu vực).”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.1 khoản 2 Điều 19 như sau:

“2.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn:

a) Giải thích từ ngữ

- Hệ thống cấp nước tập trung là hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cho quy mô từ cấp thôn trở lên, gồm các hạng mục công trình thu nước, xử lý nước, mạng lưới đường ống phân phối nước và các công trình phụ trợ có liên quan; bao gồm các loại hình: cấp nước tự chảy, cấp nước sử dụng bơm động lực.

- Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình là công trình cấp nước sinh hoạt có quy mô cấp nước cho một hộ hoặc một vài hộ gia đình sử dụng; bao gồm các loại hình: Giếng khoan, giếng đào, nước ở khe ở miền núi, lu, bể chứa, thiết bị lọc nước RO, bình nước 20 lít của các cơ sở cung cấp nước trên thị trường (*có số ngày chứng nhận bảo đảm yêu cầu của ngành Y tế trên bình*)...

Trong đó yêu cầu đối với các nguồn cấp nước quy mô hộ gia đình:

+ Giếng đào hợp vệ sinh: Giếng đào phải nằm cách nhà tiêu, chuồng gia súc hoặc nguồn gây ô nhiễm khác ít nhất 10m. Thành giếng cao tối thiểu 0,6m được xây bằng gạch, đá và thả ống buy sâu ít nhất 3m kể từ mặt đất. Sân giếng phải làm bằng bê tông hoặc lát gạch, đá, không bị nứt nẻ.

+ Giếng khoan hợp vệ sinh: Giếng khoan phải nằm cách nhà tiêu, chuồng gia súc hoặc nguồn gây ô nhiễm khác. Sân giếng phải làm bằng bê tông hoặc lát gạch, đá, không bị nứt nẻ.

+ Các nguồn nước hợp vệ sinh khác: Nước suối, nước mặt, nước mưa và nước mạch lộ hợp vệ sinh.

Khuyến cáo: Nước mưa thu hứng từ mái fibro ximăng có chất amiăng, khi sử dụng có nguy cơ gây bệnh ung thư, do đó khuyến cáo không được dùng cho ăn uống và không được xếp vào loại nước hợp vệ sinh.

+ Thiết bị lọc nước RO, bình nước 20 lít của các cơ sở cung cấp nước trên thị trường... cũng được xem nước sạch theo quy chuẩn.

- Nước sạch theo quy chuẩn: Đáp ứng theo quy định tại Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Phương pháp đánh giá:

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ các nguồn (*hệ thống cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình*) trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá. Trường hợp xã không có (hoặc không sử dụng) công trình cấp nước tập trung thì chỉ đánh giá tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá.

- Trong trường hợp đối với xã không có (hoặc công trình cấp nước tập trung bị hư hỏng không còn sử dụng được): Nếu người dân đồng thuận, nguồn nước hiện tại đảm bảo, chưa có nhu cầu đầu tư mới công trình, hệ thống nước sạch tập trung trong giai đoạn này (*có biên bản họp dân, với trên 70% đại diện hộ dân trên địa bàn xã tham dự họp và tại cuộc họp có trên 80% hộ dân dự họp thống nhất chưa có nhu cầu đầu tư*), thì đánh giá **tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình $\geq 60\%$** để công nhận đạt chuẩn chỉ tiêu 17.1. Sau này dân số đông, người dân kiến nghị đầu tư công trình nước tập trung thì địa phương cần đưa vào kế hoạch để đầu tư ở giai đoạn sau năm 2025.

* Hồ sơ minh chứng kèm theo:

+ Tổng hợp danh sách hộ sử dụng nước sạch của từng thôn và tổng hợp tình hình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn theo **Phụ lục XII**.

+ Biên bản họp đại diện hộ gia đình thống nhất chưa có nhu cầu đầu tư hệ thống công trình nước sạch tập trung đến năm 2025.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 20 như sau:

“d) Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định (chỉ tiêu 18.4) khi đáp ứng đủ các nội dung sau:

- Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn: Đạt.

- Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật: Đạt.

- Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý: Đạt.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 khoản 2 Điều 20 như sau:

“2.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Thực hiện theo hướng dẫn của ngành Tư pháp.”

II. QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ XÉT CÔNG NHẬN XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1068/QĐ-UBND NGÀY 26/5/2023 CỦA UBND TỈNH

1. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ hai khoản 1 Điều 5 như sau:

“- Chỉ tiêu 3.2: Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả: ≥ 1 . Trường hợp xã không có tổ chức thủy lợi thì không đánh giá⁽²⁾.”

2. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ tư khoản 1 Điều 5 như sau:

“- Chỉ tiêu 3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: 100%.”

3. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ ba khoản 2 Điều 7 như sau:

“- Chỉ tiêu 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại theo quy định tại Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh.”

4. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ tư khoản 1 Điều 10 như sau:

“- Chỉ tiêu 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.”

5. Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ ba khoản 1 Điều 14 và các nội dung của gạch đầu dòng (-) thứ hai khoản 2 Điều 14.

6. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ ba và gạch (-) đầu dòng thứ tư khoản 1 Điều 15 như sau:

“- Chỉ tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: ≥ 1 .

- Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.”

7. Sửa đổi bổ sung tiêu đề điểm 2.3 và bổ sung nội dung d vào điểm 2.3 khoản 2 Điều 15 như sau:

“2.3. Chỉ tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

(2) Trong trường hợp này không đánh giá chỉ tiêu nông thôn mới nhưng Ủy ban nhân dân xã phải thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở và quản lý hệ thống thủy lợi trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

.....

d) Có mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM): Có mô hình ứng dụng IPHM trên cây trồng chủ lực của xã (nhóm cây lương thực, rau màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây hoa, cây cảnh và cây dược liệu).

Mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp thực hiện theo Quyết định số 5416/QĐ-BNN-BVTV ngày 18/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT V/v phê duyệt Đề án Phát triển quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) đến năm 2030 và hướng dẫn của ngành Nông nghiệp và PTNT.”

8. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ hai, gạch đầu dòng (-) thứ ba và gạch (-) đầu dòng thứ tư khoản 1 Điều 16 như sau:

“- Chỉ tiêu 14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử: Đạt
- Chỉ tiêu 14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa: Đạt
- Chỉ tiêu 14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử: Đạt.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Nội dung, phương pháp đánh giá:
- Đối với chỉ tiêu 14.1: Căn cứ quy định hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu 15.1, 15.4 của tiêu chí số 15 về Y tế của Bộ tiêu chí xã NTM (tại Điều 17 Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh) để đánh giá các chỉ tiêu này.
- Đối với chỉ tiêu 14.2, 14.3, 14.4: Thực hiện theo hướng dẫn của ngành y tế.”

10. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ hai khoản 1 Điều 17 như sau:

“- Chỉ tiêu 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần: Đạt.”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2 khoản 2 Điều 17 như sau:

“2.2. Chỉ tiêu 15.2: Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

Xã được công nhận có dịch vụ công trực tuyến một phần theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các văn bản hướng dẫn liên quan khác (nếu có).”

12. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ nhất, gạch (-) đầu dòng thứ hai khoản 1 Điều 18 như sau:

“- Chỉ tiêu 16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở: Đạt.

- Chỉ tiêu 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành: $\geq 90\%$.”

13. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.1, điểm 2.2 khoản 2 Điều 18 như sau:

“2.1. Chỉ tiêu 16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo hướng dẫn của ngành Tư pháp.

2.2. Chỉ tiêu 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành: Thực hiện theo hướng dẫn của ngành Tư pháp.”

14. Sửa đổi, bổ sung gạch (-) đầu dòng thứ nhất và gạch (-) đầu dòng thứ hai khoản 1 Điều 20 như sau:

“- Chỉ tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (*quy định: $\geq 35\%$ xã khu vực 1 và $\geq 50\%$ xã khu vực 2*).”

- Chỉ tiêu 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm (*quy định: ≥ 40 lít xã khu vực 1 và ≥ 60 lít xã khu vực 2*).”

15. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.1 khoản 2 Điều 20 như sau:

“2.1. Chỉ tiêu 18.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:

Căn cứ theo quy định hướng dẫn đánh giá chỉ tiêu 17.1 thuộc tiêu chí 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm trong Bộ tiêu chí xã NTM (*tại Điều 19 Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh*) để đánh giá chỉ tiêu này trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá. Tổng hợp danh sách hộ của từng thôn và tổng hợp tình hình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn tại **Phụ lục XV** kèm theo Quyết định này.

- Trong trường hợp đối với xã ở khu vực có dân cư thưa thớt, phân bố không tập trung tại vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang, ven biển, biên giới, hải đảo chưa có hệ thống cấp nước tập trung (bằng cấp nước tự chảy hoặc cấp nước sử dụng bơm động lực) thì đánh giá các mô hình cấp nước tập trung như giếng đào, giếng khoan, trạm cấp nước tập trung, trạm cấp nước năng lượng mặt trời... sử dụng cho nhóm hộ gia đình trên địa bàn xã để đánh giá chỉ tiêu này.

Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung thì UBND cấp huyện có báo cáo rõ thực trạng sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ các nguồn,

nguồn lực đầu tư, nguyên nhân chưa đầu tư hệ thống nước sạch tập trung, những khó khăn, vướng mắc, kế hoạch thực hiện thời gian đến, gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Hội đồng thẩm định tỉnh xem xét, quyết định.

* Hồ sơ minh chứng kèm theo: Tổng hợp danh sách hộ sử dụng nước sạch của từng thôn và tổng hợp tình hình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn theo **Phụ lục XV** kèm theo Quyết định này.”./.